TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
KHOA: KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018 - 2019 (Bậc Cao đẳng và Trung cấp)
CHUYÊN NGÀNH: DÙNG CHUNG CHO CÁC NGÀNH --- KHOÁ 16, 17, 18

STT	Mã LHP	Tên HP	Tên CBGD	Số Tiết	Số TC	Tháng 9					Tháng 10				Tháng 11				Tháng 12			Th 01/2020	
						2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30
						8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5
					TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	DCK10003102	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
2	DCK10003103	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
3	DCK10003104	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
4	DCK10003105	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
5	DCK10003110	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
6	DCK100031104	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
7	DCK100031105	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
8	DCK100031106	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
9	DCK100031107	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
10	DCK10003111	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		

11	DCK100031113	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
12	DCK100031114	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
13	DCK100031118	Giáo dục thể chất 1	Đinh Sang Giàu	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
14	DCK100031119	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
15	DCK10003112	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
16	DCK100031123	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
17	DCK100031124	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
18	DCK100031125	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
19	**DCK100031126+DCK100031139**	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
20	DCK100031127	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
21	DCK100031128	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
22	DCK100031129	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

23	DCK10003113	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
24	DCK100031130	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
25	DCK100031133	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh, Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
26	DCK100031137	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
28	DCK100031141	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh, Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
29	DCK100031145	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
30	DCK10003119	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
31	DCK10003120	Giáo dục thể chất 1	Đinh Sang Giàu	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
32	DCK10003121	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
33	DCK10003122	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
34	DCK100031**25+30**	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
36	DCK10003135	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
37	DCK10003140	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

38	DCK10003141	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
39	DCK10003145	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
40	DCK10003146	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
41	DCK10003147	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
42	DCK10003148	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
43	DCK10003149	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
44	DCK10003154	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
45	DCK10003155	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
46	DCK10003159	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
47	DCK10003160	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
48	DCK10003161	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
49	DCK10003166	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
50	DCK10003167	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
51	DCK10003171	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
52	DCK10003172	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

53	DCK10003173	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
54	DCK10003174	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
55	DCK10003175	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
56	DCK10003176	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
57	DCK10003177	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
58	DCK10003178	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
59	DCK10003181	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
60	DCK10003182	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
61	DCK10003183	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
62	DCK10003184	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
63	DCK10003185	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
64	DCK10003186	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
65	DCK10003190	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
66	DCK10003191	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
67	DCK10003192	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		

68	DCK10003193	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		
69	DCK10003194	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
70	DCK10003195	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
71	DCK10003199	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
72	**DCK10003201+DCK10003301**	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
74	DCC10001201	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	Trần Dương Phương Anh	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
75	DCC10001301	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	Trần Dương Phương Anh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
77	DCC10005001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Dương Phương Anh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
78	DCC10005301	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Ngô Văn Quang	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
79	DCC10005302	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Ngô Văn Quang	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
80	DCC10005303	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Ngô Văn Quang	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
81	DCC10005304	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Ngô Văn Quang	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
82	DCC10005305	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Trương Xuân Hùng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			

83	DCC10005306	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Trương Xuân Hùng	30	2	3	3															lớp hp bị hủy	
84	DCC10005307	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Văn Úy	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
85	DCC10005308 + DCC100092**01**	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Văn Úy	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
86	DCC10005309	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
87	DCC10005310	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
88	DCC10005311	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
89	DCC10005312	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
90	DCC10005313	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
	DCC10005314	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
92	DCC10005315	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Huỳnh Quốc Dũng	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
93	DCC10005316	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Huỳnh Quốc Dũng	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
94	DCC10005317	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
95	DCC10005318	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			

96	DCC10005319	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Đặng Khánh Chương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
97	DCC10005320	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Đặng Khánh Chương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
98	DCC10005321	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Trương Xuân Hùng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
99	DCC10006001 (ghép)	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	Lưu Thị Thu Hương	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI GHÉP**	
100	DCC10009101	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	Lâm Văn Vũ	75	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI GHÉP**	
101	DCC10009102	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	Lâm Văn Vũ	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI GHÉP**	
102	DCC10009201	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	Nguyễn Văn Úy	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3							**THI GHÉP**	
103	DCC10009301	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	Lâm Văn Vũ	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI GHÉP**	
104	DCC10010001	Vật lý đại cương	Lương Chấn Nguyên Vũ	45	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI GHÉP**	
105	DCC10013101	Chính trị 1	Phạm Ngọc Tường	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
106	DCC10013102	Chính trị 1	Tô Thanh My	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
107	DCC10013103 + DCC100001201 +DCC10001301 + DCCC10005001	Chính trị 1	Trần Dương Phương Anh	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**

108	DCC10013104	Chính trị 1	Trần Dương Phương Anh	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
109	DCC10013201	Chính trị 2	Lưu Thị Thu Hương	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
110	DCC10013202+**DCC10006001**	Chính trị 2	Lưu Thị Thu Hương	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
112	DCC10013203	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
113	DCC10013204	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
114	DCC100220**02+03**	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
115	DCC100220**04+05**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
117	DCC100220**06+08**	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
118	DCC100220**07+22**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
120	DCC100220**09+71**	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
121	DCC100220**12+13**	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2		3		3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			

123	DCC100220**17+78+79**	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
125	DCC10022023	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
126	DCC100220**27+28**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
128	DCC100220**29+32**	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
129	DCC100220**30+34**	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
130	DCC100220**31+33**	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
134	DCC100220**37+38**	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2		3		3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
136	DCC100220**39+40**	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
138	DCC100220**41+42**	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
140	DCC100220**46+50**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
141	DCC100220**47 +51**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
142	DCC100220**48+49**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			

146	DCC100220**55+57**	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
147	DCC100220**56+58**	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
150	DCC100220**64+65**	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
152	DCC100220**69+72**	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
153	DCC100220**70+74**	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
156	DCC10022073	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2		3		3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
158	DCC100220**75+76**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
162	DCC100280**02+31**	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
163	DCC100280**03+30**	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
164	DCC10028007	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
165	DCC10028008	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	**THI**	**THI**
166	DCC10028009	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	**THI**	**THI**

167	DCC10028010	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
168	DCC100280**15 + 16**	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
170	DCC100280**17+18**	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
172	DCC100280**24+91**	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	**THI**	**THI**
173	DCC100280**25+85**	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
174	DCC100280**26+90**	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
175	DCC10028027	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
178	DCC100280**35+40**	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	**THI**	**THI**
180	DCC10028045	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
181	DCC10028050	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	**THI**	**THI**
182	DCC10028051	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
183	DCC100280**55+56**	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
185	DCC100280**57+58**	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
187	DCC10028059	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
188	DCC10028064	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	**THI**	**THI**

189	DCC10028065	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
190	DCC10028066	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
191	DCC10028071	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
192	DCC10028072	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
193	DCC10028076	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
194	DCC10028077	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
195	DCC10028078	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
196	DCC10028079	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
197	DCC100280**80+81**	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
202	DCC100290**02+14**	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
203	DCC100290**07+15**	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Đào Công Bin	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
204	DCC10029008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
205	DCC10029012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trương Xuân Hùng	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**

206	DCC10029013 + DCC10009102+ DCC10009301	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
209	DCC100290**16+17**	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3		5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
211	DCC11003001	Xác suất thống kê	Võ Duy Tâm	45	3				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI GHÉP**	
212	DCK10005202	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Lâm Văn Vũ	45	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
213	DCK10005203 +DCT40001201 + DCC10009101	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Lâm Văn Vũ	45	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
214	DCK10005204	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
215	DCK10005205	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
216	DCK10005206	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
217	DCK10005207	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
218	DCK10005208	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
219	DCK10005209	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	**THI**	**THI**
220	DCK10005210	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**

221	DCK10005211	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
222	DCK10005212	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Thanh Hà	45	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI**	**THI**
223	DCK10005213	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Thanh Hà	45	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI**	**THI**
224	DCK10005101 + DCT40001301	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1A	Lâm Văn Vũ	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**	**THI**
	Trung cấp																						
225	DCT40001001	Chính trị	Tô Thanh My	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				**THI**	**THI**			
226	**DCT40003002 +DCT40003006**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	15	1												3	3	3	3	3	**THI**	**THI**
227	**DCT40003004 +DCT40003012**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	15	1											3	3	3	3	3		**THI**	**THI**
228	DCT40016002	Ngữ văn 3	Trần Quyết Thắng	80	4					9	9	9	9	9	9	9	6	9	2			**THI**	**THI**
229	DCT40018001	Toán 1	Vũ Thị Lệ Thủy	120	6					9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	**THI**	**THI**
230	DCT40020001	Toán 3	Võ Duy Tâm	120	6					9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9		
231	DCT40021001	Toán 3A	Vũ Thị Lệ Thủy	30	2					9	9	9	3						**THI**	**THI**			
232	DCT40028001	Hóa học 3	Trần Ngọc Dũng	75	3					5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
233	DCT40036005	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			

234	DCT40036009	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
235	**DCT40036013 + DCT40036004+ DCT40007001**	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	30	2		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**			
236	DCT40037002	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Thanh Hà	45	2		3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI**	**THI**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG PHÒNG QLĐT** **TRƯỞNG KHOA**